

Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ

Bảo Yên, ngày 06 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và
“Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hà Thị Anh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Hoàng Thị Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật” và “Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ trụ sở: Tổ B, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Ngô Hồng T là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn C - Chủ tịch UBND xã T, huyện B. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

- Anh Hoàng Văn T sinh ngày 03/9/1992 - Có mặt.

- Chị Bàn Thị S, sinh ngày 05/12/1994 - Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự, bà Ngô Hồng T trình bày: Anh Hoàng Văn T, sinh ngày 03/9/1992 và chị Bàn Thị S, sinh ngày 05/12/1994, hiện đang cư trú tại thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai có đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi kết hôn, do Chị S khai sai thông tin về ngày tháng sinh nên đã đề nghị UBND huyện B cải chính hộ tịch. Đến ngày 21/7/2020, UBND huyện B đã ra quyết định cải chính hộ tịch ngày, tháng, năm sinh của Chị S từ ngày 14/5/1993 thành 05/12/1994. Sau khi cải chính thì tại thời điểm Chị S đăng ký kết hôn Chị S chưa đủ 17 tuổi nên Chị S đã vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn

theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Ngoài ra, Chị S, anh T không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai và tại đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân ngày 12 tháng 10 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T đều trình bày: Anh chị đăng ký kết hôn ngày 05/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Khi đăng ký kết hôn, Chị S đã khai ngày tháng năm sinh là 14/5/1993 nhưng theo các giấy tờ tùy thân thì Chị S sinh ngày 05/12/1994. Đến nay Hội liên hiệp Phụ nữ huyện Bảo Yên đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T, anh chị hoàn toàn nhất trí. Sau khi kết hôn đến nay Chị S và anh T vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có hai con chung và vẫn mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy anh chị yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân có hiệu lực kể từ thời điểm Chị S đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 05/12/2012 theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại bản tự khai người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã T, ông Ma Văn C trình bày: Ngày 05/10/2011 UBND xã T tiếp nhận đăng ký kết hôn của anh Hoàng Văn T và chị Bàn Thị S theo giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã X cấp. Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, Chị S đủ điều kiện kết hôn. Tuy nhiên theo quyết định cải chính hộ tịch số 83 ngày 21/7/2020 của UBND huyện B xác định Chị S sinh ngày 05/12/1994. Do vậy đề nghị Tòa án xem xét việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa Chị S và anh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của Hội liên hiệp Phụ nữ huyện B hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T kể từ ngày 05/10/2011 đến ngày 05/12/2012.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T, kể từ thời điểm Chị S đủ điều kiện kết hôn, ngày 05/12/2012.

Hội liên hiệp phụ nữ huyện B không phải chịu lệ phí việc dân sự; Chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu "hủy kết hôn trái pháp luật" của Hội liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Yên và yêu cầu "Công nhận quan hệ hôn nhân" của chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T đều đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp

luật. Vì vậy việc dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo điều 29, điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên họp người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Ngô Hồng T; người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bàn Thị S vắng mặt tại phiên họp và đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt người yêu cầu giải quyết việc dân sự theo đúng quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T kết hôn ngày 05/10/2011 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi đăng ký kết hôn Chị S đã cung cấp cho UBND xã T giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong đó ghi Chị S sinh ngày 14/5/1993. Do các giấy tờ tùy thân không phù hợp với nhau nên Chị S phải thực hiện cải chính hộ tịch. Theo quyết định cải chính hộ tịch số 83/TLCCHT ngày 21/7/2020 của UBND huyện Bảo Yên đã cải chính ngày tháng năm sinh của chị Bàn Thị S từ ngày 14/5/1993 thành ngày 05/12/1994. Như vậy khi Chị S đăng ký kết hôn Chị S chưa đủ 17 tuổi, Chị S đã vi phạm quy định điều kiện về độ tuổi kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai yêu cầu Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật của Chị S và anh T là có căn cứ, nên cần được chấp nhận hủy việc kết hôn trái pháp luật của Chị S và anh T kể từ ngày 05/10/2011 đến ngày 05/12/2012 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn đến nay chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T vẫn chung sống hạnh phúc và đã có hai con chung. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì Chị S và anh T đã có đủ các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đồng thời anh chị đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm Chị S đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 05/12/2012. Vì vậy, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai không phải nộp tiền tạm ứng lệ phí Tòa án và không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của Chị S và anh T được chấp nhận nên anh chị phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 149; Điều 367; Điều 369; Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 8; Điểm d Khoản 2 Điều 10; Điều 11, khoản 1 Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11; Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai. Hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T kể từ ngày 05/10/2011 đến ngày 05/12/2012.

-Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T. Công nhận quan hệ hôn nhân của chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T kể từ thời điểm chị Bàn Thị S đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 05/12/2012.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai không phải chịu tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Bàn Thị S và anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001894 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên. Chị S và anh T đã nộp đủ tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc niêm yết quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã T,
- Lưu: HS, TA

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hà Thị Anh

